



NAM LONG

Số: 35 /2016/NQ/HĐQT/NLG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (08) 54 16 17 18 Fax: (08) 54 17 18 19 Web: www.namlongvn.com

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2016

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

(Căn cứ Bảng tổng hợp phiếu ý kiến Hội đồng Quản trị ngày 10/11/2016)

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Phê duyệt toàn văn sửa đổi bổ sung Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2016 (đính kèm toàn văn Quy chế quản trị).

Điều 2: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và các bộ phận liên quan trong Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT, BKS
- Ban Tổng Giám đốc
- Lưu VP HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG



NAM LONG

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	3
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	3
CHƯƠNG II	4
Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông	4
Điều 4. Quyền và trách nhiệm của cổ đông.....	4
Điều 5. Điều lệ Công ty.....	6
Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn	6
Điều 7. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường	6
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ..	8
Điều 10. Báo cáo thường niên.....	8
CHƯƠNG III	8
Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 13. Thành phần Hội đồng quản trị	9
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 15. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	10
Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	12
Điều 17. Họp Hội đồng quản trị	14
Điều 18. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	14
Điều 19. Văn phòng Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị.....	15
Điều 20. Thủ lao của Hội đồng quản trị	16
CHƯƠNG IV.....	16
Điều 21. Tư cách thành viên Ban kiểm soát	16
Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	16
Điều 23. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát	16
Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	17
Điều 25. Thủ lao của Ban kiểm soát.....	17
CHƯƠNG V.....	18
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ	18
Điều 27. Nguyên tắc quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.....	19
Điều 28. Quyền bảo lưu ý kiến của Tổng giám đốc.....	19
Điều 29. Hủy bỏ quyết định của Tổng giám đốc	19

Điều 30. Quyết định vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc	20
Điều 31. Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị	20
Điều 32. Giao việc cho Tổng giám đốc	20
Điều 33. Báo cáo thường kỳ của Tổng giám đốc.....	20
CHƯƠNG VI.....	21
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác	21
Điều 35. Giao dịch với người có liên quan	22
Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty	22
CHƯƠNG VII.....	23
Điều 37. Đào tạo về quản trị Công ty	23
CHƯƠNG VIII.....	23
Điều 38. Cung cấp thông tin cho Cổ đông	23
Điều 39. Công bố thông tin thường xuyên.....	23
Điều 40. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty	24
Điều 41. Công bố thông tin về các cổ đông lớn.....	24
Điều 42. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.....	25
Điều 43. Tổ chức công bố thông tin.....	25
CHƯƠNG IX.....	26
Điều 44. Báo cáo	26
Điều 45. Giám sát	26
Điều 46. Xử lý vi phạm	26
CHƯƠNG X.....	26
Điều 47. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	27
Điều 48. Hiệu lực của Quy chế	27

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ/HĐQT/NLG ngày 11 tháng 11 năm 2016

của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị công ty này áp dụng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long khi niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long.

Quy chế được trình bày trên nguyên tắc quy định nào đã được nêu tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định pháp luật hiện hành thì không trình bày lặp lại trong quy chế và áp dụng theo Điều lệ Công ty và/hoặc quy định pháp luật hiện hành. Một số điều khoản được nêu tại Điều lệ Công ty được quy định chi tiết hơn trong quy chế thì áp dụng theo quy định chi tiết tại quy chế.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
 - Minh bạch trong hoạt động của công ty;
 - Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

- b. "Công ty" là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0301438936, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005 và được sửa đổi từng thời điểm, được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam.
 - c. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
 - d. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Sở hữu gián tiếp là sở hữu thông qua người có liên quan.
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 2.3 của Thông tư số 121/2012/TT-BTC.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của Cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về Cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.
2. Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông do Trung tâm Lưu ký cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của Cổ đông.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại

- cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của Công ty;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa như quy định tại Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty;
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.
3. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
4. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:
- a. Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty quy định;
 - b. Cổ đông được đối xử công bằng;
 - c. Cổ đông được nhận các thông báo từ Công ty qua phương tiện điện tử như email, fax,...;
 - d. Cổ đông có trách nhiệm đến trụ sở Công ty để cập nhật sổ cổ đông đối với các cổ phiếu chưa lưu ký;
 - e. Cổ đông có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm toàn phần về thông tin công bố, và bồi thường thiệt hại nếu phát sinh vi phạm liên quan;
 - f. Đối với các cổ phiếu đã lưu ký, cổ đông có trách nhiệm cập nhật những thay đổi về địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ email vv... tại trung tâm lưu ký chứng khoán để nhận được các thông báo từ Công ty liên quan đến cổ đông.

Điều 5. Điều lệ Công ty

1. Điều lệ Công ty được xây dựng dựa trên Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 25/07/2012 của Bộ Tài chính, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy khác có liên quan.
2. Căn cứ các thay đổi của pháp luật và tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Điều lệ trong thời hạn hợp lý để Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Hội đồng quản trị, Ban Quan hệ cổ đông, Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư (IR) có trách nhiệm duy trì liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn tại từng thời điểm căn cứ vào danh sách cổ đông cập nhật.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.
3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

1. Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:
 - a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Cách thức bỏ phiếu;
 - d. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
 - e. Thông báo kết quả bỏ phiếu;
 - f. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Ghi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - i. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;
 - j. Các vấn đề khác.
2. Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.
4. Trường hợp Báo cáo kiểm toán **không** có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán **có** các khoản ngoại trừ trọng yếu, Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán **phải** được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm.
5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
6. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên **không được** tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
7. Công ty quy định trong Điều lệ Công ty các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
8. Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách; đồng thời, việc chốt danh sách cổ đông này phải phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý;

- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông.

Điều 10. Báo cáo thường niên

Ban giám đốc chủ trì và chịu trách nhiệm việc lập báo cáo thường niên đúng quy định đối với công ty niêm yết và đệ trình Văn phòng Hội đồng quản trị thẩm định trước khi thực hiện công bố thông tin theo quy định.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Tên các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

- Các thông tin khác (nếu có).
- 2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- 3. Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, việc ứng cử, đề cử được thực hiện theo Khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty.
- 5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu.

Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty nhưng phải là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh ngành nghề chủ yếu của Công ty và đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu quy định tại Điều lệ Công ty hoặc các quy chế nội bộ của Công ty, với điều kiện các tiêu chuẩn đó không được vi phạm các quyền cơ bản của cổ đông.
2. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty, Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 13. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành

viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.
- Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị được phép quyết định các vấn đề sau (trong trường hợp các giao dịch có liên quan đến Chủ tịch thì Phó Chủ tịch quyết định theo các nguyên tắc cụ thể nêu tại điều khoản này):

- Quyết định kế hoạch, ngân sách, nghiên cứu khả thi, hợp đồng đối với các giao dịch thông thường của Công ty hoặc của các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết, các hợp

đồng hợp tác kinh doanh (BCC) có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 2% ($\leq 2\%$) tổng tài sản của Công ty hoặc của các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết, các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) tại báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước liền kề; quyết định các giao dịch thông thường có giá trị lớn hơn 2% ($> 2\%$); và nhỏ hơn hoặc bằng 4% ($\leq 4\%$) tổng tài sản sau khi tiểu ban liên quan thẩm định. (Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, đối với giao dịch tại các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết, các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), Chủ tịch quyết định theo đề xuất của người đại diện vốn. Sau khi có quyết định của Chủ tịch, người đại diện vốn sẽ biểu quyết tại Hội đồng quản trị của các công ty nêu trên).

2. Quyết định kế hoạch, ngân sách, nghiên cứu khả thi, hợp đồng đối với các giao dịch với người có liên quan (được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp) có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 2% ($\leq 2\%$) tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước liền kề; quyết định các giao dịch với người có liên quan có giá trị lớn hơn 2% ($> 2\%$); và nhỏ hơn hoặc bằng 4% ($\leq 4\%$) tổng tài sản sau khi tiểu ban liên quan thẩm định; đối với các giao dịch với người có liên quan có liên quan đến Chủ tịch, Phó Chủ tịch quyết định trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc nêu trên;
3. Quyết định việc đầu tư vào hoặc thoái vốn tại các doanh nghiệp/dự án hợp tác kinh doanh có vốn đầu tư của Công ty (như tại các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết, các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC),...) với giá trị giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 2% ($\leq 2\%$) tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước liền kề và quyết định các vấn đề pháp lý liên quan đến việc đầu tư hoặc thoái vốn này. Trong trường hợp giao dịch đầu tư hoặc thoái vốn là giao dịch có liên quan đến Chủ tịch, Phó Chủ tịch quyết định việc đầu tư hoặc thoái vốn nêu trên sau khi có ý kiến thẩm định của Tiểu ban Đầu tư;
4. Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại theo Bản phân cấp thẩm quyền do Hội đồng quản trị phê duyệt;
5. Chỉ định người đại diện vốn tại các doanh nghiệp/dự án hợp tác kinh doanh có vốn đầu tư của Công ty (như tại các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết, các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC),...) sau khi tiểu ban Lương thưởng Nhân sự và Quan hệ đối ngoại thẩm định;
6. Phê chuẩn việc bổ nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc Khối Hành chính Nhân sự và Giám đốc khối Đầu tư của Công ty sau khi tiểu ban Lương thưởng Nhân sự và Quan hệ đối ngoại thẩm định (Tổng Giám đốc có trách nhiệm trình Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt trước khi quyết định bổ nhiệm và bãi nhiệm các chức danh này);
7. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
8. Chỉ định và bãi nhiệm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị;

9. Chỉ định (một hoặc nhiều) Thư ký Hội đồng quản trị;
10. Và các quyền khác theo Bản phân cấp thẩm quyền do Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm;
11. Ngoại trừ việc bổ nhiệm Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị, các vấn đề được ủy quyền trên đây do Ban Giám đốc đề xuất. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch quyết định các vấn đề được ủy quyền này tuân thủ Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh hàng năm/ba năm và quy trình thẩm định tài liệu liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
 - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
 - Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của các nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:
 - Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);
 - Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
 - Cách thức biểu quyết;

- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
 - Thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị;
 - Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị hoạch định và phê duyệt các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và Giám đốc các Khối chức năng; xây dựng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban giám đốc và Ban kiểm soát, gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và Giám đốc các Khối chức năng:
 - Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý và Giám đốc các Khối chức năng;
 - Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý và Giám đốc các Khối chức năng;
 - Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý và Giám đốc các Khối chức năng;
 - Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý và Giám đốc các Khối chức năng;
 - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và Giám đốc các Khối chức năng.
 - b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc:
 - Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc;
 - Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban giám đốc và Ban kiểm soát;
 - Các trường hợp Tổng giám đốc và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc;
 - Các vấn đề Ban giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

- c. Quy trình tiếp nhận và xử lý các hồ sơ và tờ trình từ Ban Giám đốc được đính kèm vào quy chế này để vận hành. Ban Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ quy trình này trong việc phối hợp hoạt động giữa Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hoạch định và phê duyệt chính sách, cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 17. Hợp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được quy định tại Khoản 16 Điều 28 của Điều lệ Công ty.

Điều 18. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị được quyền thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm Tiểu ban đầu tư, Tiểu ban kiểm soát nội bộ, Tiểu ban lương thưởng nhân sự và quan hệ đối ngoại và các tiểu ban đặc biệt khác.
2. Đối với tiểu ban kiểm soát nội bộ phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Tiểu ban kiểm soát nội bộ, có trách nhiệm giúp việc và báo cáo cho Tiểu ban kiểm soát nội bộ.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm/quyền hạn của các tiểu ban và trách nhiệm/quyền hạn của từng thành viên.
4. Các Tiểu ban hoạt động theo Quy chế hoạt động của từng Tiểu ban hiệu lực tại từng thời điểm hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
5. Sơ đồ tổ chức và phân công chức năng/nhân sự của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị được đính kèm theo quy chế này (đính kèm sơ đồ).
6. Tiểu ban có các quyền tùy theo sự ủy quyền của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm.

Điều 19. Văn phòng Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị.
2. Văn phòng Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Chánh Văn phòng, Thư ký Hội đồng quản trị, và Luật sư Công ty. Sơ đồ tổ chức và phân công chức năng/nhân sự của Hội đồng quản trị, Văn phòng Hội đồng quản trị và các bộ phận hỗ trợ được đính kèm theo quy chế này (đính kèm sơ đồ).
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một người làm Thư ký Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Hội đồng quản trị không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty. Trong trường hợp có nhiều hơn một người làm Thư ký Hội đồng quản trị thì thành lập Ban Thư ký Hội đồng Quản trị.
4. Vai trò, nhiệm vụ, chức năng và thẩm quyền của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự và lập biên bản các cuộc họp;
 - Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Lưu trữ các biên bản họp, nghị quyết, quyết định và các tài liệu liên quan của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông.
 - Tham gia bảo vệ quyền lợi của cổ đông;
 - Đảm bảo việc xây dựng, tuân thủ và định kỳ rà soát lại những chính sách và thông lệ quản trị của Công ty;
 - Đảm bảo rằng Công ty công bố những thông tin trọng yếu một cách kịp thời, chính xác và minh bạch;
 - Cung cấp thông tin cho những thành viên mới được bầu vào Hội đồng quản trị nhằm hỗ trợ các thành viên thực thi hiệu quả vai trò của mình;
5. Thư ký Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.
6. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho cổ đông.
2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán cho các thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát không là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Công ty.

Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Thành phần Ban kiểm soát được quy định tại Khoản 1 Điều 33 của Điều lệ Công ty.

Điều 23. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát. Yêu cầu nêu trên phải được lập thành văn bản và gửi về Công ty trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc.
2. Công ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên Ban kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tiểu ban Kiểm soát nội bộ hợp tác và hỗ trợ Ban kiểm soát trong việc kiểm tra tính tuân thủ việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm và nghĩa vụ theo các quy định của Pháp luật, Khoản 1 Điều 34 của Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban giám đốc, cán bộ quản lý Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.
3. Ban kiểm soát họp ít nhất hai lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban kiểm soát.
4. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.
5. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
6. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
7. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 25. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ

Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc được quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty, Bảng mô tả công việc của Tổng giám đốc và trong các Bảng phân cấp thẩm quyền giữa Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm. Song trong mọi trường hợp, Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm chính như sau:

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Trong phạm vi thực hiện các nghị quyết nêu trên, Tổng giám đốc được quyền quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại theo Bản phân cấp thẩm quyền do Hội đồng quản trị phê duyệt, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
4. Bổ nhiệm Giám đốc các Khối chức năng (ngoại trừ Giám đốc tài chính). Trình Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê chuẩn trước khi bổ nhiệm Giám đốc Nhân sự, Giám đốc Đầu tư. Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo trước cho Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Giám đốc các Khối chức năng vừa nêu;
5. Đề trình Hội đồng quản trị hàng năm để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa;
6. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
7. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của Hội đồng quản trị cũng như kế hoạch tài chính 3-5 năm;
8. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
9. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

10. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản kế hoạch) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản kế hoạch hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua.
11. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
12. Tổng giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Đơn xin từ chức phải được gửi ít nhất là 60 ngày trước ngày dự kiến từ chức. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị họp và xem xét quyết định. Trong trường hợp Hội đồng quản trị đồng ý việc từ chức của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người khác đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày miễn nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 27. Nguyên tắc quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Trong phạm vi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn phần và là người có quyền quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành hàng ngày của Công ty.
2. Hội đồng quản trị không can thiệp vào công việc điều hành hàng ngày của Tổng giám đốc. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị có quyền giám sát và quyền yêu cầu cung cấp thông tin; Tổng giám đốc có nghĩa vụ phải tuân thủ đáp ứng yêu cầu của Hội đồng quản trị đúng hạn định.

Điều 28. Quyền bảo lưu ý kiến của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, tuy nhiên vẫn phải thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị và sẽ được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp thực hiện quyết định làm thiệt hại cho Công ty

Điều 29. Hủy bỏ quyết định của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền ra quyết định bằng văn bản để đình chỉ, hủy bỏ các quyết định của Tổng giám đốc nếu có cơ sở cho rằng quyết định đó vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế Hoạt động của các Tiểu ban, các bảng Phân cấp thẩm quyền, vi phạm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty và của Cổ đông. Quyết định đình chỉ phải gửi ngay cho Trưởng Ban kiểm

soát trong cùng ngày ra quyết định.

2. Tổng giám đốc có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị để xem xét lại quyết định đã bị đình chỉ, hủy bỏ.
3. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước Công ty nếu quyết định đình chỉ gây thiệt hại cho Công ty.

Điều 30. Quyết định vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc có thể quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,...) nhằm mục đích hạn chế thiệt hại xảy ra cho Công ty, nhưng phải chịu trách nhiệm cá nhân về những quyết định đó.
2. Tổng giám đốc phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sau khi ra quyết định quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 31. Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị

Tổng giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và/hoặc Tiểu ban của Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 32. Giao việc cho Tổng giám đốc

Trong phạm vi thẩm quyền của mình, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền giao việc cho Tổng giám đốc. Tổng giám đốc có thể ủy quyền/phân công cho một nhân viên Công ty thay mình làm việc trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Điều 33. Báo cáo thường kỳ của Tổng giám đốc

Hàng tháng, quý, năm, Tổng giám đốc gửi báo cáo tình hình hoạt động của Công ty cho Hội đồng quản trị và đề xuất phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới. Các loại báo cáo và lịch báo được quy định như sau:

1. Báo cáo tháng (gửi chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo):
 - Báo cáo doanh số;
 - Báo cáo tài chính kế toán (bao gồm báo cáo doanh thu, báo cáo lãi lỗ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ).
2. Báo cáo quý (gửi chậm nhất vào ngày 15 của quý tiếp theo):
 - Báo cáo Dự án;

- Báo cáo Đầu tư;
 - Báo cáo Hành chính Nhân sự;
 - Báo cáo tài chính kế toán (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo doanh thu, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ).
3. Báo cáo tài chính để công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định:
- Bao gồm: báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính soát xét bán niên, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, hoặc báo cáo khác theo yêu cầu;
 - Thời hạn công bố thông tin: theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm;
 - Báo cáo phải được gửi trước cho Hội đồng quản trị để có ý kiến trước khi Công ty thực hiện công bố thông tin;
 - Thời hạn gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị: ít nhất 5 ngày trước ngày công bố thông tin hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

Đối với các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có quyền mời thành viên các Tiểu ban chuyên trách hoặc các thành viên Hội đồng quản trị độc lập liên quan tham dự khi cần thiết để phối hợp, chuẩn bị nội dung. Thành viên Hội đồng quản trị này có trách nhiệm đóng góp ý kiến và ý kiến được ghi nhận trong biên bản họp.

CHƯƠNG VI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Sở giao dịch Chứng khoán.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.
4. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - Xây dựng và thống nhất tiêu chuẩn đánh giá
 - Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật
 - Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật và
 - Tổ chức thực hiện

Tiểu ban Lương thưởng Nhân sự và Quan hệ đối ngoại có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn đánh giá, lập kế hoạch đánh giá chi tiết và triển khai việc đánh giá nêu trên.

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua bán hàng hóa của Công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

- b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.
3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội của Công ty.

CHƯƠNG VII

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 37. Đào tạo về quản trị Công ty

Công ty tạo điều kiện để thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc Công ty và các cá nhân khác tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị Công ty theo yêu cầu phát triển Công ty và theo hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

CHƯƠNG VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 38. Cung cấp thông tin cho Cổ đông

1. Thông tin của Công ty được cung cấp cho Cổ đông thông qua một trong các kênh sau:
 - Website chính thức của Công ty: <http://www.namlongvn.com>
 - Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với tổ chức niêm yết;
 - Thông cáo báo chí của Công ty;
 - Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin; và
 - Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho Cổ đông hoặc công chúng.
2. Công ty tạo điều kiện để Cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.

Điều 39. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ

các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 40. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
 - a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
 - d. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
 - e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
 - f. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty;
 - i. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 41. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

1. Công ty có trách nhiệm tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
 - b. Địa chỉ liên lạc;
 - c. Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);

- d. Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;
 - e. Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
 - f. Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công ty;
 - g. Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các cổ đông lớn.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 42. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian ba (03) năm trước.
2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 43. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin là Thư ký Hội đồng quản trị hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm. Việc công bố thông tin được thực hiện sau khi có phê duyệt của Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin.
3. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
 - a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

- c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
- d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 44. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Xử lý vi phạm

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này sẽ bị xử phạt theo quy định của Pháp luật. Các cán bộ quản lý từ cấp Giám đốc khối trở lên nếu có vi phạm sẽ được xử lý như sau, căn cứ trên số lần vi phạm và quy định pháp luật có liên quan:

1. Lần 1: Thông báo và/hoặc thư nhắc nhở
2. Lần 2: Thông báo khiển trách
3. Lần 3: Quyết định kỷ luật
4. Lần 4: Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động

(Đối với các trường hợp đặc biệt, tùy vào mức độ nghiêm trọng của sự vi phạm, Hội đồng Kỷ luật của Công ty sẽ áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp nhằm đảm bảo quyền lợi của Công ty).

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh.

Điều 48. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm X chương, 48 điều, được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư nam Long nhất trí thông qua ngày ~~11~~ tháng ~~11~~ năm 2016, có hiệu lực áp dụng từ **ngày 1 tháng 12 năm 2016**, và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là quy chế chính thức của Công ty và thay thế cho quy chế đã được ban hành ngày 31 tháng 05 năm 2013.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị hoặc ít nhất 3/5 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM QUY CHẾ:

1. Sơ đồ tổ chức, phân công nhân sự Hội đồng Quản trị, Văn phòng Hội đồng Quản trị và các Tiểu ban
2. Quy trình tiếp nhận và xử lý các hồ sơ và tờ trình từ Ban Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC & PHÂN CÔNG CHỨC NĂNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC BỘ PHẬN HỖ TRỢ

VĂN
PHÒNG
HĐQT

Chủ tịch Điều hành

- (A) Điều hành hoạt động HĐQT để (1) Chỉ đạo hoạch định (2) Ra quyết định (3) Đánh giá kết quả thực hiện (4) Chỉ đạo lập Chính sách Khen thưởng/Kỷ luật
- (B) Thường trực chỉ đạo BGD tổ chức thực hiện

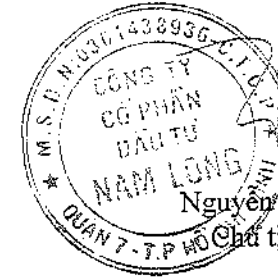
Phó Chủ tịch Điều hành

- (1) Hỗ trợ Chủ tịch điều hành HĐQT (2) Chỉ đạo kiểm soát quá trình (3) Chỉ đạo hoạt động quan hệ cổ đông

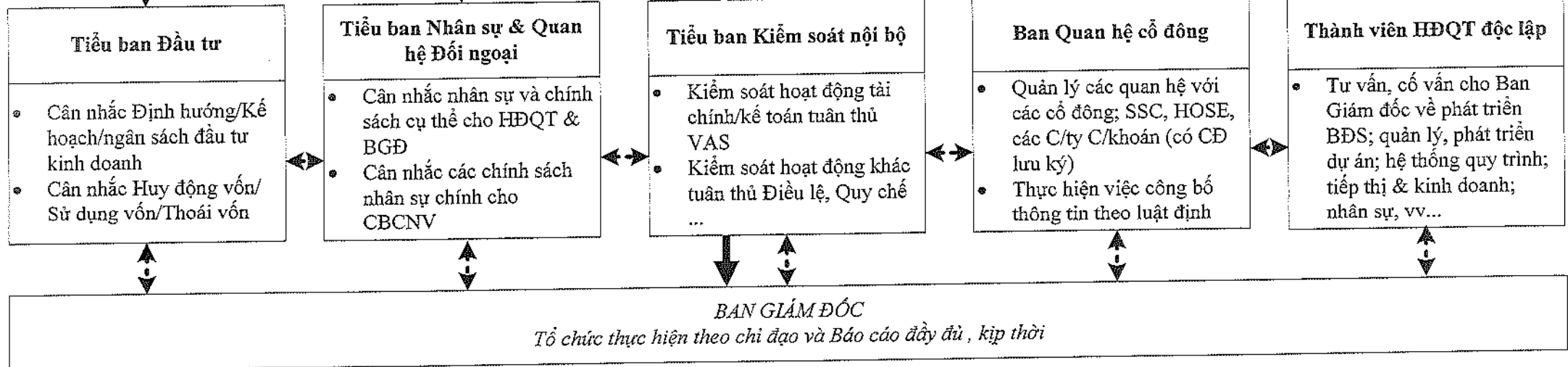
Các cán bộ Vp.HĐQT

- (1) Điều phối/hỗ trợ (2) Thực hiện theo chỉ đạo: (a) Thực hiện kiểm soát quá trình (b) Tham mưu & đề xuất

Cập nhật ngày 13/6/2016



Nguyễn Xuân Quang
Chủ tịch HĐQT



Ghi chú: → Chỉ đạo trực tiếp
↔ Phối hợp/Hỗ trợ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SƠ ĐỒ PHÂN CÔNG NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC BỘ PHẬN HỖ TRỢ

Văn
phòng
HDQT

Chủ tịch điều hành
Ô. Nguyễn Xuân Quang

Phó Chủ tịch điều hành
Ô. Trần Thanh Phong

Chánh VP HDQT
Cô Nguyễn T. Thu Uyên

Thư ký HDQT
Cô Nguyễn T. Thu Uyên

Cập nhật ngày 5/8/2016



Nguyễn Xuân Quang
Chủ tịch HDQT

Tiểu ban Đầu tư

Trưởng tiểu ban
Ô. Nguyễn Xuân Quang

Thành viên
Ô. Trần Thanh Phong
Ô. Lai Voon Hon
Ô. Bùi Đức Khang
Ô. Trịnh Văn Tuấn

Điều phối
Cô Nguyễn T. Thu Uyên

Tiểu ban Nhân sự & Quan hệ Đối ngoại

Trưởng tiểu ban
Ô. Chad Ryan Ovel

Thành viên
Ô. Nguyễn Xuân Quang
Ô. Lai Voon Hon
Ô. Ngian Siew Siong ✓

Điều phối
Cô Nguyễn T. Thu Uyên

Tiểu ban Kiểm soát Nội bộ

Trưởng tiểu ban
Ô. Nguyễn Xuân Quang

Thành viên
Ô. Trần Thanh Phong
Ô. Chad Ryan Ovel
Ô. Linson Lim Soon Kooi
Ô. Ziang Tony Ngo ✓

KTV nội bộ
Cô Nguyễn T. Thanh Thảo

Điều phối
Cô Nguyễn T. Thanh Thảo

Ban Quan hệ cổ đông

Trưởng tiểu ban
Ô. Trần Thanh Phong

Thành viên
Chánh Vp HDQT
Giám đốc tài chính
Đại diện Khối Đầu tư

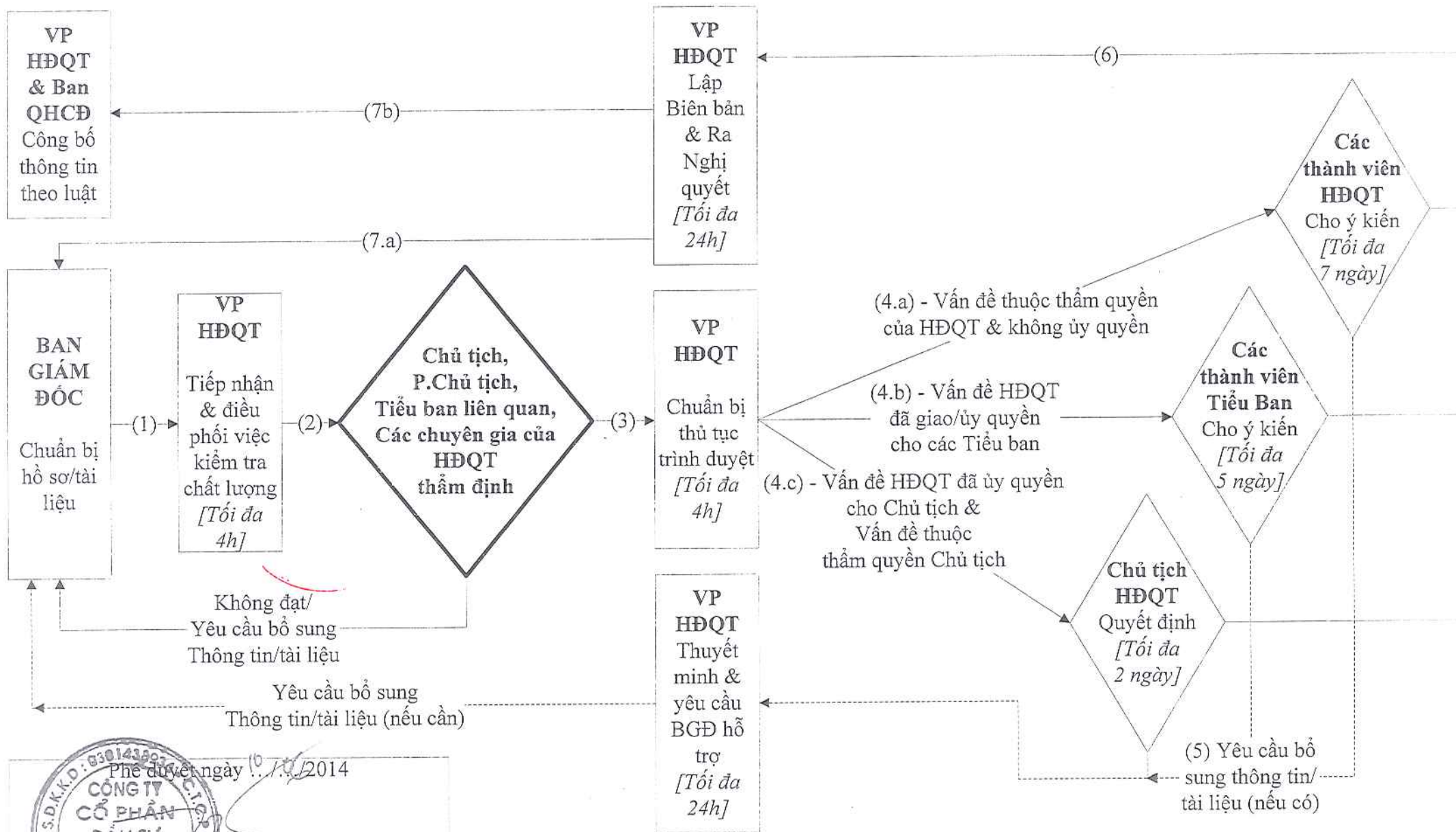
Điều phối
Cô Nguyễn T. Thu Uyên

Thành viên HDQT Độc lập

Thành viên
Ô. Ngian Siew Siong
Ô. Trịnh Văn Tuấn
Ô. Ziang Tony Ngo

Điều phối
Cô Nguyễn T. Thu Uyên

QUY TRÌNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ CÁC TỜ TRÌNH TỪ BAN GIÁM ĐỐC



Phê duyệt ngày 10/10/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM LONG

Nguyễn Xuân Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị